

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DSST
Ngày 22/02/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Bùi Trọng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy An – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2018/TLST – DS ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu phố LHĐ, phường XY, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng Lê Thị Kim Tr, sinh năm 1969 và Nguyễn Chí D, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố TT, phường XĐ, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1985; đều trú tại địa chỉ: Khu phố LHĐ, phường XY, thị xã SC, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Đ trình bày được tóm tắt như sau:**

Do có quan hệ quen biết, từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017, vợ chồng bà Phạm Thị Đ, Nguyễn Văn H có cho Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D vay số tiền 3.500.000.000đ. Cụ thể như sau: Tháng 12 năm 2016 cho vay 1.500.000.000 đồng; tháng 5 năm 2017 cho vay 50.000.000 đồng; tháng 6 năm 2017 cho vay 350.000.000 đồng; tháng 8 năm 2017 cho vay 400.000.000 đồng; tháng 9 năm 2017 cho vay 500.000.000 đồng; tháng 12 năm 2017 cho vay 700.000.000 đồng; các khoản vay đều không có lãi.

Ngày 15/8/2018, hai bên chốt nợ và vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D viết giấy nhận nợ số tiền 3.500.000.000đ; hẹn trả dần theo 03 kỳ: Ngày 30/10/2018, thanh toán 1.000.000.000đ; ngày 30/12/2018, thanh toán 1.000.000.000đ; ngày 30/3/2019, thanh toán 1.500.000.000đ. Khi đến kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 30/10/2018 thì vợ chồng Tr, D không trả nợ như cam kết. Do đó, bà Phạm Thị Đ khởi kiện vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D yêu cầu TAND thị xã Sông Cầu giải quyết:

1. Buộc Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D phải thanh toán trả dứt điểm nợ gốc 3.500.000.000đ cho vợ chồng Phạm Thị Đ, Nguyễn Văn H;

2. Buộc Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D phải trả lãi trên số nợ gốc 3.500.000.000đ theo mức lãi suất quy định của nhà nước; thời hạn tính lãi kể từ tháng 10/2018 cho đến khi trả hết nợ;

3. Đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản đối với Nhà hàng Kim Gia Trang tại địa chỉ: Khu phố Tân Thạnh, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Lê Thị Kim Tr theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ BQ 959171 do UBND thị xã Sông Cầu cấp ngày 16/6/2014, thửa đất số 192, tờ bản đồ 11-ĐC; diện tích 2.498m². Mục đích yêu cầu: Ngăn chặn việc tẩu tán tài sản, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng.

** Tại đơn xin trình bày ngày 15/12/2018, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/12/2018, bị đơn là vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D trình bày được tóm tắt như sau:*

Trong thời gian trước đây, vợ chồng Tr, D có kinh doanh nhà hàng khách sạn nhưng do thiếu vốn làm ăn nên có vay tiền của bà Phạm Thị Đ số tiền 3.200.000.000đ; có trả lãi đầy đủ cho bà Đ hàng tháng kể từ lúc vay. Đến tháng 8 năm 2018, vợ chồng Tr, D thua lỗ thì bà Đ yêu cầu vợ chồng Tr, D viết giấy nhận nợ vay không tính lãi. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng Tr, D trả nợ dần trong khả năng làm có tiền. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh Th trình bày:*

Thông nhất như nội dung nguyên đơn trình bày và yêu cầu khởi kiện.

** Kiểm sát viên phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án là đúng quy

định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ đối với Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D; buộc Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D phải trả cho vợ chồng Phạm Thị Đ, Nguyễn Văn H số tiền gốc 3.500.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh bởi Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết là thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và lãnh thổ về nơi cư trú của bị đơn.

[2] TAND thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và đối chiếu với giấy mượn tiền do vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D viết ngày 15/8/2018, đủ cơ sở xác định: Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 12 năm 2017, vợ chồng Tr, D nhiều lần vay tiền của vợ chồng Phạm Thị Đ, Nguyễn Văn H; đến ngày 15/8/2018, hai bên chốt nợ lại số tiền 3.500.000.000đ; vợ chồng Tr, D hẹn thanh toán 3.500.000.000đ theo 03 kỳ: Ngày 30/10/2018, thanh toán 1.000.000.000đ; ngày 30/12/2018, thanh toán 1.000.000.000đ; ngày 30/3/2018, thanh toán 1.500.000.000đ. Trong giấy mượn tiền ghi không tính lãi, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, có thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ theo định kỳ.

[4] Căn cứ vào thỏa thuận của hợp đồng, thì ngày 30/10/2018, vợ chồng Tr, D phải thanh toán kỳ đầu tiên cho vợ chồng Đ, H 1.000.000.000đ nhưng đến hạn không thanh toán là vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ, chậm thực hiện và không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các điều 278, 280, 282, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng Tr, D phải trả toàn bộ số tiền gốc 3.500.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi: Ngày 30/10/2018, vợ chồng Tr, D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên kể từ ngày 31/10/2018, khoản nợ vay 3.500.000.000đ chuyển sang nợ quá hạn và vợ chồng Tr, D phải chịu lãi chậm trả trên số nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 31/10/2018 đến ngày 21/02/2019 theo quy định tại

khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể tiền lãi phải trả là: $3.500.000.000đ \times 10\%/năm \times 03 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 106.944.444đ$.

[6] Tổng cộng tiền gốc và lãi nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận, buộc vợ chồng Tr, D phải trả cho vợ chồng Đ, H là: $3.500.000.000đ + 106.944.444đ = 3.606.944.444đ$.

[7] Xét yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Cùng với đơn khởi kiện, bà Phạm Thị Đ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản, tại phiên tòa bà Đ tiếp tục giữ nguyên yêu cầu. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, qua xem xét đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện: Tại thời điểm yêu cầu áp dụng khẩn cấp tạm thời, tài sản yêu cầu phong tỏa không thuộc quyền quản lý, sử dụng và sở hữu hợp pháp của vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D. Do đó, HĐXX nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản đối với nhà hàng Kim Gia Trang tại địa chỉ: Khu phố Tân Thạnh, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị còn phải thi hành tương ứng số tiền: $72.000.000đ + (1.606.944,444đ \times 2\%) = 104.138.888đ$. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 51.000.000đ có tại biên lai thu tiền số 6695 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các điều các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các điều 278, 280, 282, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ đối với Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D: Buộc Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D phải thanh toán trả cho Phạm Thị Đ, Nguyễn Văn H số tiền còn nợ của Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi ngày 15/8/2018 bao gồm: Nợ gốc là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng); nợ lãi là 106.944.444đ (một trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng cộng 3.606.944.444đ (ba tỷ sáu trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản đối với: Nhà hàng Kim Gia Trang tọa lạc tại địa chỉ: Khu phố Tân Thạnh, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ 11-ĐC, diện tích 2.498m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 959171 do UBND thị xã Sông Cầu cấp ngày 16/6/2014).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D phải nộp 104.138.888đ (một trăm lẻ bốn triệu một trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 51.000.000đ (năm mươi một triệu đồng) có tại Biên lai thu tiền số 6695 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tx. Sông Cầu;
- Chi cục thi hành án Tx. Sông Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thơ Hiền